

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HOÀ
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **41/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 18/10/2019

V/v: Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trương Đức Lâm.

2/ Ông Nguyễn Ngọc Trứ.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Mai-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:

Bà Ngô Thị Tươi: Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 102/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXX- ST ngày 23 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994- Có mặt.

HKTT: Thôn H, xã Đ, huyện H, tỉnh B.

Nơi cư trú: Thôn B, xã D, huyện S, tỉnh B.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990- vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 02/4/2019, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (chị Nguyễn Thị H) trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn có được tự do, tự nguyện tìm hiểu, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ ngày 28/11/2017. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh T làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình anh T. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng ban đầu hạnh phúc, bình thường được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không thể có tiếng nói chung, có nhiều quan điểm sống bất đồng, không hợp nhau trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi cọ, xô sát với

nhau. Đến tháng 03/ 2018 do mâu thuẫn căng thẳng chị đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở hẳn cho đến nay. Vợ chồng chính thức sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, không còn quan tâm gì đến nhau. Mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình động viên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị H xác định vợ chồng chưa có con chung, hiện nay chị không mang thai, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác: Chị H xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn (anh Nguyễn Văn T): Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi ý kiến, văn bản đến Tòa án, vì vậy không có lời khai trong hồ sơ. Tòa án đã trực tiếp cùng với địa phương về làm việc tại gia đình nhưng anh T vắng mặt. Bà Nguyễn Thị M (là mẹ đẻ của anh T) trình bày: Anh T hiện nay đang đi làm ăn ở bên ngoài không có nhà còn làm việc gì, địa chỉ cụ thể ở đâu bà không biết nhưng vẫn thỉnh thoảng về thăm nhà tại thôn H, xã Đ sau đó lại đi luôn. Anh T có biết chị H xin ly hôn anh T tại Tòa án, bà đã giao lại cho anh T các giấy tờ của Tòa án liên quan đến việc chị H có đơn xin ly hôn tại Tòa án, tuy nhiên anh T có nói lại với bà là do bận công việc nên không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án được và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh T, anh T không có ý kiến gì. Bà xác định chị H và anh T kết hôn có được tự do, tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ năm 2017. Sau khi kết hôn chị H về nhà bà làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình. Hái vợ chồng sống bình thường, hạnh phúc, đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, còn mâu thuẫn cụ thể như thế nào bà không biết, chỉ thấy hai vợ chồng thỉnh thoảng có cãi nhau. Chị H đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở từ đầu năm 2018, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay và không thấy chị H liên lạc hay về gia đình bà lần nào. Mâu thuẫn vợ chồng cũng được gia đình bà động viên hòa giải nhưng không thành. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh T có nói với bà là đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Gia đình bà cũng đồng ý và không có ý kiến gì. Về con chung: bà xác định vợ chồng chị H và anh T chưa có con chung. Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác: bà xác định vợ chồng chị H và anh T không có gì liên quan với nhau.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001085 ngày 24/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 18/4/2019 của chị Nguyễn Thị H đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn T (là bị đơn) đã được Tòa án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Qua xác minh tại địa phương và gia đình cung cấp, hiện anh T vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã Đ, huyện H, anh T đi làm ăn ở bên ngoài địa phương, không rõ địa chỉ cụ thể nhưng anh T không đi hẳn khỏi địa phương, gia đình xác nhận anh T đi làm vẫn đi và về nhà thăm gia đình và biết việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ việc ly hôn giữa chị H và anh T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn có tên nêu trên.

[2]. Về quan hệ tranh chấp:

[2].1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[2].2. *Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của chị H thấy rằng*: Qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của người làm chứng được biết: Vợ chồng chị H từ khi kết hôn đã có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng tình cảm vợ chồng đã không duy trì phát triển được, năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Xuất phát từ việc hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm nên vợ chồng hay cãi nhau. Mâu thuẫn cũng được hai bên gia đình động viên hòa giải nhưng không cải thiện được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 03/2018 đến nay và đã chấm dứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Chị H có đơn xin ly hôn, anh T biết việc Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ việc, gia đình anh T xác định anh T có quan điểm là đồng ý ly hôn với chị H. Địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp, cho nên yêu cầu xin ly hôn của chị H cần được chấp nhận.

[2].3. *Về con chung*: Chị H và gia đình anh T đều xác định vợ chồng anh T chưa có con chung, hiện nay chị H không mang thai, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2].4. Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác: Chị H và gia đình anh T xác định vợ chồng chị H, anh T không có gì liên quan, không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

[2].5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001085 ngày 24/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh BG
- VKSND Hiệp Hòa
- THADS Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Toàn